

# CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP POMINA

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán  
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025



## MỤC LỤC

	Trang
<b>BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC</b>	1 - 3
<b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP</b>	4 - 5
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN</b>	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 47

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thép Pomina (sau đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con (gọi chung là "Nhóm Công ty") đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

### 1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Thép Pomina (gọi tắt là "Công ty") là Công ty cổ phần được thành lập từ việc cổ phần hóa Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Thép Pomina và hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 3700321364 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 17 tháng 7 năm 2008 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 14 được cấp ngày 3 tháng 3 năm 2023.

Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thép Pomina tại thời điểm ngày 01 tháng 01 năm 2025 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 2.796.763.360.000 VND tương đương với 279.676.336 cổ phiếu với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang được giao dịch trên sàn giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM), với thông tin chi tiết như sau:

- Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông
- Mã chứng khoán: POM
- Mệnh giá: 10.000 VND/cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu niêm yết: 279.676.336 cổ phiếu
- Tổng giá trị cổ phiếu niêm yết theo mệnh giá: 2.796.763.360.000 VND

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Số 1, đường số 27, KCN Sóng Thần 2, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất và gia công sắt, thép, gang; tái chế phế liệu; bán buôn kim loại và quặng kim loại, bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu.

Trong năm 2025, hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất sắt, thép, gang; tái chế phế liệu kim loại; và kinh doanh các sản phẩm từ thép.

Hiện Công ty đang thực hiện hồ sơ bổ sung ngành nghề "Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại" để hoàn thiện thủ tục theo quy định.

### 2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Đỗ Duy Thái	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 02 năm 2023
Ông Đỗ Tiến Sĩ	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 02 năm 2023
Ông Đỗ Văn Khánh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 03 năm 2023
Ông Đỗ Hoài Khánh Linh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 06 năm 2021
Ông Đỗ Xuân Chiểu	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 06 năm 2021
Bà Võ Thị Thu Hiền	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 04 năm 2018



## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

### Ban Kiểm soát:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Trần Tô Từ	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 06 năm 2021
Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 06 năm 2021
Bà Nguyễn Ngọc Mỹ Hạnh	Thành viên	Từ nhiệm ngày 21 tháng 07 năm 2024

### Ban Tổng Giám đốc và kế toán trưởng

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Đỗ Tiến Sĩ	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 02 năm 2023
Ông Đỗ Hoài Khánh Linh	Tổng Giám đốc Pomina 1	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 08 năm 2020
Bà Đỗ Thị Kim Ngọc	Tổng Giám đốc Pomina 3	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 03 năm 2023
Bà Nguyễn Ngọc Mỹ Hạnh	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 07 năm 2024

### Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho đến thời điểm lập báo cáo này là:

Họ tên	Quốc tịch	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Đỗ Tiến Sĩ	Việt Nam	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm từ ngày 10 tháng 02 năm 2023

### 3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

### 4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

### 5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

### 6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;



## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Nhóm Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

### **7. Công bố Báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc công bố Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cùng với bản thuyết minh đính kèm cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

**ĐỖ TIẾN SĨ**

**Tổng Giám đốc**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 05 năm 2026



Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam  
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.

Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế  
Member firm of PKF International

Số: 266C/2026/BCKTHN-HCM.00159



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông  
Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP POMINA**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Thép Pomina, (được gọi tắt là "Công ty mẹ") và các công ty con (gọi chung là "Nhóm Công ty"), được lập ngày 29 tháng 05 năm 2026, từ trang 06 đến trang 47, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính Hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo thuyết minh 9.4 của báo cáo tài chính Hợp nhất, Nhóm Công ty đã phát sinh một khoản lỗ thuần trên Báo cáo tài chính Hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 835.683.712.451 VND, lũy kế khoản lỗ đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 3.492.403.056.463 VND. Và cũng tại ngày này, khoản nợ phải trả ngắn hạn của Nhóm Công ty lớn hơn tài sản ngắn hạn là 7.478.288.104.022 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là 6.414.028.014.366 VND). Điều kiện này, cùng với các vấn đề khác được trình bày tại thuyết minh 9.4 cho thấy sự tồn tại yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Nhóm Công ty.



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Nhóm Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở giả định hoạt động liên tục. Tuy nhiên, tại ngày phát hành báo cáo kiểm toán này, chúng tôi vẫn chưa được cung cấp kế hoạch khả thi và đầy đủ nhằm chứng minh Nhóm Công ty có thể cải thiện tình hình tài chính hoặc có nguồn vốn để đảm bảo việc Nhóm Công ty có thể tiếp tục hoạt động bình thường trong tương lai. Do đó, chúng tôi cho rằng có sự không chắc chắn trọng yếu liên quan đến khả năng hoạt động liên tục của Nhóm Công ty. Báo cáo tài chính hợp nhất và các thuyết minh kèm theo đã không trình bày đầy đủ về vấn đề này đồng thời chưa bao gồm các điều chỉnh có thể cần được thực hiện đối với tài sản và nợ phải trả của Nhóm Công ty trong trường hợp Nhóm Công ty không có khả năng tiếp tục hoạt động trong tương lai.

### Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



**ĐÀU NGUYỄN LÝ HẰNG**

**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1169-2026-009-1

Người được ủy quyền

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 05 năm 2026

**BÙI VĂN BÔNG**

**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0177-2023-009-1



**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP POMINA**

Số 1, đường số 27, KCN Sóng Thần 2, Phường Dĩ An, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>2.002.088.956.678</b>	<b>2.574.518.258.558</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	25.872.959.800	58.765.361.462
Tiền	111		22.112.827.254	44.923.661.028
Các khoản tương đương tiền	112		3.760.132.546	13.841.700.434
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		3.000.000.000	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		3.000.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.029.455.808.791	1.079.429.783.507
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	988.166.269.346	1.035.222.937.869
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	68.145.209.835	68.900.963.835
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4.1	11.918.245.799	13.962.451.694
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(38.773.916.189)	(38.656.569.891)
Hàng tồn kho	140	5.6	384.972.797.882	803.979.574.892
Hàng tồn kho	141		385.372.549.416	804.383.967.932
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(399.751.534)	(404.393.040)
Tài sản ngắn hạn khác	150		558.787.390.205	632.343.538.697
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7.1	5.436.666.000	5.419.692.141
Thuế GTGT được khấu trừ	152		547.370.690.406	620.953.313.632
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153		5.980.033.799	5.970.532.924
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>6.857.812.562.322</b>	<b>7.295.807.909.338</b>
Các khoản phải thu dài hạn	210		969.602.443	273.167.261.449
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	272.197.693.279
Phải thu dài hạn khác	216	5.4.2	969.602.443	969.568.170
Tài sản cố định	220		1.114.908.963.391	1.274.270.802.131
Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	995.372.336.123	1.149.107.593.047
Nguyên giá	222		5.132.373.729.046	5.129.510.242.789
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.137.001.392.923)	(3.980.402.649.742)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	5.9	119.517.460.603	125.098.042.423
Nguyên giá	225		139.514.545.455	139.514.545.455
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(19.997.084.852)	(14.416.503.032)
Tài sản cố định vô hình	227	5.10	19.166.665	65.166.661
Nguyên giá	228		14.636.504.484	14.636.504.484
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(14.617.337.819)	(14.571.337.823)
Tài sản dở dang dài hạn	240	5.11	5.713.599.150.567	5.710.978.622.067
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		5.713.599.150.567	5.710.978.622.067
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.12	-	10.000.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		11.402.985.380	11.402.985.380
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(11.402.985.380)	(11.402.985.380)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	10.000.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		28.334.845.921	27.391.223.692
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7.2	23.873.258.810	25.475.132.240
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		4.461.587.111	1.916.091.452
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>8.859.901.518.999</b>	<b>9.870.326.167.896</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP POMINA**

Số 1, đường số 27, KCN Sóng Thần 2, Phường Dĩ An, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>9.490.643.936.320</b>	<b>9.664.621.279.704</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>9.480.377.060.700</b>	<b>8.988.546.272.924</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	1.603.028.978.078	2.325.639.598.951
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.14	74.605.775.474	23.246.067.735
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.15	3.188.525.159	1.831.319.056
Phải trả người lao động	314		5.134.342.095	7.343.589.598
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.16	1.621.204.558.061	1.017.967.423.607
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17	217.242.473.251	58.340.957.960
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.18.1	5.955.953.432.862	5.554.158.340.297
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322		18.975.720	18.975.720
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>10.266.875.620</b>	<b>676.075.006.780</b>
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.18.2	10.266.875.620	676.075.006.780
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>(630.742.417.321)</b>	<b>205.704.888.192</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	5.19	<b>(630.742.417.321)</b>	<b>205.704.888.192</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		2.796.763.360.000	2.796.763.360.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.796.763.360.000	2.796.763.360.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		35.000.000.000	35.000.000.000
Cổ phiếu quỹ	415		(31.347.567.000)	(31.347.567.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		61.428.346.574	61.428.346.574
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(3.492.403.056.463)	(2.656.719.344.012)
LNST chưa phân phối năm trước	421a		(2.656.719.344.012)	(1.646.941.965.227)
LNST chưa phân phối năm nay	421b		(835.683.712.451)	(1.009.777.378.785)
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		(183.500.432)	580.092.630
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>8.859.901.518.999</b>	<b>9.870.326.167.896</b>

*mae*

*my h*



**NGUYỄN THỊ PHƯƠNG MAI**  
Người lập biểu

**NGUYỄN NGỌC MỸ HẠNH**  
Kế toán trưởng

**ĐỖ TIỀN SĨ**

Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 05 năm 2026




**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP POMINA**


Số 1, đường số 27, KCN Sóng Thần 2, Phường Dĩ An, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	2.206.456.067.167	2.377.855.649.860
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần	10	6.1	2.206.456.067.167	2.377.855.649.860
Giá vốn hàng bán	11	6.2	2.073.537.035.939	2.404.179.131.693
Lợi nhuận gộp	20		132.919.031.228	(26.323.481.833)
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	2.126.760.131	8.622.369.735
Chi phí tài chính	22	6.4	745.195.297.336	727.034.380.730
Trong đó: chi phí lãi vay	23		710.807.800.469	688.038.520.719
Chi phí bán hàng	25	6.5	3.397.027.293	12.510.517.737
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	73.995.380.005	76.053.991.270
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		(687.541.913.275)	(833.300.001.835)
Thu nhập khác	31	6.7	46.500.416.511	23.504.800.715
Chi phí khác	32	6.8	196.803.232.699	201.228.853.985
Lợi nhuận khác	40		(150.302.816.188)	(177.724.053.270)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(837.844.729.463)	(1.011.024.055.105)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		1.148.071.709	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(2.545.495.659)	(276.452.105)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(836.447.305.513)	(1.010.747.603.000)
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		(835.683.712.451)	(1.009.777.378.785)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(763.593.062)	(970.224.215)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	(3.000)	(3.625)
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.9	(3.000)	(3.625)

  
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG MAI  
Người lập biểu

  
NGUYỄN NGỌC MỸ HẠNH  
Kế toán trưởng

  
ĐỖ TIẾN SĨ

Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 05 năm 2026





**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP POMINA**

Số 1, đường số 27, KCN Sóng Thần 2, Phường Dĩ An, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

**(theo phương pháp gián tiếp)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
Lợi nhuận trước thuế	01		(837.844.729.463)	(1.011.024.055.105)
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		166.640.200.781	172.103.507.546
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03		112.704.792	4.690.219.123
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	6.4	13.477.544.495	15.923.216.501
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.415.616.737)	(1.126.718.680)
Chi phí lãi vay	06	6.4	710.807.800.469	688.038.520.719
<b>Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>51.777.904.337</b>	<b>(131.395.309.896)</b>
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		365.838.412.977	(184.121.425.931)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		419.011.418.516	(142.438.096.487)
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11		(557.364.463.113)	708.341.065.783
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12		1.584.899.571	9.086.068.462
Tiền lãi vay đã trả	14		(66.572.211.716)	(113.420.719.911)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.148.071.709)	(5.600.395.006)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>213.127.888.863</b>	<b>140.451.187.014</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21		(7.278.362.041)	-
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22		442.170.000	442.170.000
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(130.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24		1.183.850.219	615.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		8.617.225.468	684.548.373
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>9.964.883.646</b>	<b>(128.258.281.627)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	7.1	1.443.653.846.495	1.917.548.802.655
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	7.2	(1.699.642.781.575)	(1.879.131.257.273)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(255.988.935.080)</b>	<b>38.417.545.382</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM</b>	<b>50</b>		<b>(32.896.162.571)</b>	<b>50.610.450.769</b>
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM</b>	<b>60</b>	5.1	<b>58.765.361.462</b>	<b>8.125.792.793</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		3.760.909	29.117.900
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM</b>	<b>70</b>	5.1	<b>25.872.959.800</b>	<b>58.765.361.462</b>

*mae*

*myh*



**NGUYỄN THỊ PHƯƠNG MAI**  
Người lập biểu

**NGUYỄN NGỌC MỸ HẠNH**  
Kế toán trưởng

**ĐỖ TIẾN SĨ**

Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 05 năm 2026

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1.1 Hình thức sở hữu vốn

Nhóm Công ty bao gồm: Công ty Cổ phần Thép Pomina ("Công ty mẹ") và các công ty con là Công ty Cổ phần Thép Pomina 2, Công ty TNHH MTV Thép Pomina 1.

Công ty Cổ phần Thép Pomina ("Công ty mẹ") là Công ty Cổ phần được thành lập từ việc cổ phần hóa Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Thép Pomina và hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 3700321364 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 17 tháng 7 năm 2008 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 14 được cấp ngày 3 tháng 3 năm 2023.

Vốn điều lệ của Công ty mẹ tại thời điểm ngày 01 tháng 01 năm 2025 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 2.796.763.360.000 VND tương đương với 279.676.336 cổ phiếu với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Cổ phiếu của Công ty mẹ hiện đang được giao dịch trên sàn giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM), với thông tin chi tiết như sau:

- Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông
- Mã chứng khoán: POM
- Mệnh giá: 10.000 VND/cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu niêm yết: 279.676.336 cổ phiếu
- Tổng giá trị cổ phiếu niêm yết theo mệnh giá: 2.796.763.360.000 VND

#### 1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Nhóm Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất.

#### 1.3 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Nhóm Công ty là:

- Sản xuất sắt, thép, gang;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại (trừ xử lý, tái chế phế liệu, phế thải tại tỉnh Bình Dương); bán buôn vôi, đá vôi;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại. Chi tiết: Bán buôn các sản phẩm từ thép;
- Tái chế phế liệu. Chi tiết: Tái chế phế liệu kim loại (không tái chế tại tỉnh Bình Dương).

Trong năm 2025, hoạt động kinh doanh chính của Nhóm Công ty là sản xuất sắt, thép, gang; tái chế phế liệu kim loại; và kinh doanh các sản phẩm từ thép.

Hiện Công ty mẹ đang thực hiện hồ sơ bổ sung ngành nghề "Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại" để hoàn thiện thủ tục theo quy định.

#### 1.4 Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty không quá 12 tháng.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

### 1.5 Cấu trúc của Nhóm Công ty

Danh sách các công ty con được hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ Phần Thép Pomina 2	Khu công nghiệp Phú Mỹ 1, Phường Phú Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm từ thép, bán buôn kim loại và quặng kim loại, phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại.	99,50%	99,50%	99,50%
Công ty TNHH MTV Thép Pomina 1	Số 1, đường số 27, KCN Sóng Thần 2, Phường Dĩ An, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất sắt, thép, gang	100,00%	100,00%	100,00%

### 1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

### 1.7 Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, tổng số nhân viên của Nhóm Công ty là 696 người (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 635 người).

## 2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Nhóm Công ty được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### 2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## 3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Nhóm Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

### 3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Nhóm Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### 4.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### 4.2 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con cho năm tài chính chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất. Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty mẹ và các công ty con là giống nhau.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

#### Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu thuộc phần vốn chủ sở hữu của bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

#### Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm.

#### 4.3 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

#### 4.4 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

#### 4.5 Các khoản đầu tư tài chính

##### Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Nhóm Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Nhóm Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

##### Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Nhóm Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

### 4.6 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### 4.7 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, hàng hóa: được xác định bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

### 4.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Nhóm Công ty bao gồm các chi phí sau:

#### **Công cụ, dụng cụ**

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

### **Chi phí sửa chữa**

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 36 tháng.

### **Chi phí trả trước khác**

Lợi thế kinh doanh, chi phí thuê đất và chi phí trả trước khác sẽ được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước / thời gian thuê hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

#### **4.9 Tài sản thuê hoạt động**

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

#### **4.10 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Nhóm Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm trích khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25
Máy móc, thiết bị	05 - 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

#### **4.11 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Nhóm Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Nhóm Công ty bao gồm:

### **Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là bộ phận gắn với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ chi phí mà Nhóm Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 - 8 năm.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

### 4.12 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Chi nhánh) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

### 4.13 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Nhóm Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

### 4.14 Vốn chủ sở hữu

#### Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

#### Các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Nhóm Công ty.

#### Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

### 4.15 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

### 4.16 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

#### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Nhóm Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Nhóm Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Nhóm Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### *Cổ tức và lợi nhuận được chia*

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Nhóm Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

### 4.17 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

### 4.18 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại. Thuế thu nhập hiện hành.

#### Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Các báo cáo thuế của các công ty trong Nhóm Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

### 4.19 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

### 4.20 Công cụ tài chính

#### Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Nhóm Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

#### Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Nhóm Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, chi phí phải trả và các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

#### Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Nhóm Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

#### Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Nhóm Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

### 4.21 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Các Công ty/ Cá nhân sau đây được xem là các bên có liên quan:

Cá nhân/ Công ty	Địa điểm	Mối quan hệ
Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Thép Việt	Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty TNHH Thương mại Thép Pomina	Việt Nam	Cùng chủ sở hữu
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc		Thành viên chủ chốt

### 5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

#### 5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Tiền mặt – VND	38.210.332	59.795.672
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (*)	22.074.616.922	44.863.865.356
Các khoản tương đương tiền (**)	3.760.132.546	13.841.700.434
	<b>25.872.959.800</b>	<b>58.765.361.462</b>

(\*) Chi tiết số dư tiền gửi ngân hàng có gốc ngoại tệ vào ngày 31 tháng 12 năm 2025:

	31/12/2025		01/01/2025	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
Tiền gửi ngân hàng - USD	93.076,13	2.413.091.177	430.396,61	10.874.178.375
Tiền gửi ngân hàng - EUR	1.191,23	35.714.267	1.190,64	31.053.082
		<b>2.448.805.444</b>		<b>10.905.231.457</b>

(\*\*) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gửi 01 tháng, lãi suất tiền gửi từ 3,0%/năm đến 3,25%/năm.

#### 5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Phải thu các bên liên quan</b>				
Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Thép Việt	684.230.971.707	-	677.083.387.034	-
Ông Đỗ Xuân Chiểu (*)	272.197.693.279	-	-	-
<b>Phải thu các khách hàng khác</b>				
Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam	8.988.475.453	-	-	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn VAS Nghi Sơn	8.082.510.130	-	-	-
Công ty Cổ phần Thép Nhật Châu	6.147.689.350	-	-	-
Công ty TNHH MTV Vina Nansei	1.497.762.640	-	347.805.977.598	-
Công ty TNHH Lim Hok Chhourn Steel	149.806.139	(149.806.139)	149.806.139	(149.806.139)
Công ty Cổ phần Thép Á Châu	-	-	3.960.702.400	-
Các khách hàng khác	6.871.360.648	(5.955.740.890)	6.223.064.698	(5.955.740.890)
	<b>988.166.269.346</b>	<b>(6.105.547.029)</b>	<b>1.035.222.937.869</b>	<b>(6.105.547.029)</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

(\*) Đây là khoản phải thu về chuyển nhượng cổ phần Công ty Cổ phần Tôn Pomina theo hợp đồng chuyển nhượng vốn điều lệ số: 7/HĐ/22110, 7/HĐ/22167, 7/HĐ/22165, 7/HĐ/22166 tại các ngày lần lượt là 20 tháng 07 năm 2022, ngày 10 tháng 11 năm 2022, ngày 09 tháng 11 năm 2022, ngày 20 tháng 07 năm 2022 với số tiền là 305.147.488.391 VND. Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2023 các bên đã thống nhất ký kết thỏa thuận xác nhận công nợ với các điều khoản như sau: Ông Đỗ Xuân Chiêu đồng ý trả nợ thay cho Bà Đỗ Diệu Huyền, Bà Đỗ Thị Kim Ngọc, Ông Đỗ Đức Chung với tổng giá trị là 70.000.000.000 VND. Tổng số tiền Ông Đỗ Xuân Chiêu nợ Công ty là: 304.116.658.000 VND. Theo Phụ lục hợp đồng chuyển nhượng vốn góp số PL01/7/HĐ/22164 ngày 31 tháng 12 năm 2023 khoản tiền này sẽ được thanh toán là 36 tháng kể từ ngày ký phụ lục.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, ngoài khoản phải thu của ông Đỗ Xuân Chiêu, các khoản phải thu ngắn hạn còn lại của khách hàng đã được dùng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng thương mại (Thuyết minh số 5.18).

### 5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Trả trước các bên liên quan</b>				
Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Thép Việt	24.735.010.000	-	24.199.362.140	-
<b>Trả trước người bán khác</b>				
Asian Pacific Ecology Trade Co., Ltd	21.971.925.000	(21.971.925.000)	21.971.925.000	(21.971.925.000)
Công ty Cổ phần CMA-CGM Việt Nam	4.437.785.883	(4.437.785.883)	4.437.785.883	(4.437.785.883)
Các nhà cung cấp khác	17.000.488.952	(5.867.503.949)	18.291.890.812	(5.867.503.949)
	<b>68.145.209.835</b>	<b>(32.277.214.832)</b>	<b>68.900.963.835</b>	<b>(32.277.214.832)</b>

### 5.4 Phải thu khác

#### 5.4.1 Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Phải thu các bên liên quan</b>				
Ông Trương Thành Công - Tạm ứng	381.990.542	-	441.990.542	-
Bà Đỗ Thị Kim Chi - tạm ứng	6.510.000.000	-	-	-
Bà Nguyễn Thanh lan - tạm ứng	1.849.550.000	-	-	-
<b>Phải thu tổ chức và cá nhân khác</b>				
Hoa hồng bán hàng	-	-	12.024.638.963	-
Tạm ứng	569.520.355	-	658.980.636	-
Phải thu khác	2.607.184.902	(391.154.327)	836.841.553	(273.808.030)
	<b>11.918.245.799</b>	<b>(391.154.327)</b>	<b>13.962.451.694</b>	<b>(273.808.030)</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

### 5.4.2 Phải thu dài hạn khác

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Phải thu các bên liên quan</b>				
Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Thép Việt - Ký quỹ thuê mặt bằng	10.000.000	-	10.000.000	-
<b>Phải thu tổ chức và cá nhân khác</b>				
Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP. HCM - Ký quỹ thuê tài chính	958.517.745	-	958.517.745	-
Phải thu khác	1.084.698	-	1.050.425	-
	<b>969.602.443</b>	<b>-</b>	<b>969.568.170</b>	<b>-</b>

### 5.5 Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	31/12/2025		01/01/2025	
		Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
<b>Phải thu ngắn hạn khách hàng</b>					
Lim Hok Chhourn Steel Co.,Ltd	> 3 năm	149.806.139	-	149.806.139	-
Công ty TNHH MTV Phát Lộc Hưng	> 3 năm	5.953.341.500	-	5.953.341.500	-
Yi Chakriya Co., Ltd	> 3 năm	612.900	-	612.900	-
Hq Co., Ltd	> 3 năm	424.490	-	424.490	-
Samsung C&T Co., Ltd	> 3 năm	1.362.000	-	1.362.000	-
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>					
Asian Pacific Ecology Trade Co., Ltd	> 3 năm	21.971.925.000	-	21.971.925.000	-
Công ty Cổ phần CMA- CGM Việt Nam	> 3 năm	4.437.785.883	-	4.437.785.883	-
Công ty TNHH Maersk Việt Nam	> 3 năm	2.636.203.568	-	2.636.203.568	-
Các nhà cung cấp khác	> 3 năm	3.231.300.381	-	3.231.300.381	-
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>					
Phải thu khác	> 3 năm	391.154.328	-	391.154.328	117.346.298
		<b>38.773.916.189</b>	<b>-</b>	<b>38.773.916.189</b>	<b>117.346.298</b>



## 5.6 Hàng tồn kho

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	310.916.521.246	(304.684.424)	425.544.529.625	(304.684.424)
Thành phẩm	28.736.110.583	(551.110)	329.370.358.822	(5.192.616)
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang ngắn hạn	5.139.545.761	-	5.139.545.761	-
Công cụ, dụng cụ	40.580.371.826	(94.516.000)	44.329.533.724	(94.516.000)
	<b>385.372.549.416</b>	<b>(399.751.534)</b>	<b>804.383.967.932</b>	<b>(404.393.040)</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, toàn bộ hàng tồn kho đã được dùng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng thương mại (Thuyết minh số 5.18).

Tình hình biến động tăng giảm dự phòng hàng tồn kho trong năm:

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Số dư đầu năm	(404.393.040)	(1.495.402.122)
Hoàn nhập dự phòng	4.641.506	1.490.209.506
Trích lập dự phòng bổ sung	-	(399.200.424)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>(399.751.534)</b>	<b>(404.393.040)</b>

## 5.7 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn

### 5.7.1 Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Công cụ dụng cụ	2.736.634.326	3.454.518.498
Chi phí bảo hiểm	1.264.663.027	1.303.353.201
Chi phí sửa chữa	1.337.232.347	661.820.442
Chi phí dịch vụ	98.136.300	-
	<b>5.436.666.000</b>	<b>5.419.692.141</b>

### 5.7.2 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Lợi thế kinh doanh (*)	5.501.020.568	11.002.041.056
Chi phí thuê đất (**)	8.248.081.691	8.895.598.187
Chi phí sửa chữa	985.301.960	1.369.971.953
Công cụ dụng cụ	3.725.697.174	3.809.743.261
Chi phí trả trước khác	5.413.157.417	397.777.783
	<b>23.873.258.810</b>	<b>25.475.132.240</b>

(\*) Đây là lợi thế kinh doanh được xác định trong quá trình chuyển đổi hình thức của Công ty từ trách nhiệm hữu hạn sang cổ phần với giá trị ban đầu là 125.339.707.447 VND. Lợi thế kinh doanh được phân bổ đến năm 2026 theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị số 3/12001/BB-HĐQT ngày 18 tháng 6 năm 2012.

(\*\*) Chi phí thuê đất đã được dùng để đảm bảo các khoản vay tại các ngân hàng thương mại (Thuyết minh số 5.18).

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP POMINA  
Số 1, đường số 27, KCN Sóng Thần 2, Phường Dĩ An, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

5.8 Tình hình tăng/ (giảm) tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng cộng VND
<i>Nguyên giá</i>						
Tại ngày 01/01/2025	1.046.829.063.089	3.889.194.614.501	173.276.470.967	13.156.020.045	7.054.074.187	5.129.510.242.789
Mua trong năm	2.013.304.500	1.749.177.212	-	-	-	3.762.481.712
Thanh lý trong năm	-	-	(898.995.455)	-	-	(898.995.455)
Tại ngày 31/12/2025	1.048.842.367.589	3.890.943.791.713	172.377.475.512	13.156.020.045	7.054.074.187	5.132.373.729.046
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>						
Tại ngày 01/01/2025	670.363.260.888	3.136.552.722.674	153.481.484.885	12.951.107.108	7.054.074.187	3.980.402.649.742
Khấu hao trong năm	33.578.756.459	120.092.547.253	3.793.511.770	32.923.154	-	157.497.738.636
Thanh lý trong năm	-	-	(898.995.455)	-	-	(898.995.455)
Tại ngày 31/12/2025	703.942.017.347	3.256.645.269.927	156.376.001.200	12.984.030.262	7.054.074.187	4.137.001.392.923
<i>Giá trị còn lại</i>						
Tại ngày 01/01/2025	376.465.802.201	752.641.891.827	19.794.986.082	204.912.937	-	1.149.107.593.047
Tại ngày 31/12/2025	344.900.350.242	634.298.521.786	16.001.474.312	171.989.783	-	995.372.336.123

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

Tại ngày 01/01/2025	216.744.112.325	1.482.730.146.602	140.350.190.503	12.502.213.880	7.054.074.187	1.859.380.737.497
Tại ngày 31/12/2025	216.744.112.325	1.540.958.259.184	139.451.195.048	12.502.213.880	7.054.074.187	1.916.709.854.624

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, toàn bộ tài sản cố định đã được dùng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng thương mại (thuyết minh 5.18)





**5.9 Tình hình tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính**

	Máy móc và thiết bị VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>		
Tại ngày 01/01/2025	139.514.545.455	139.514.545.455
Mua trong năm	-	-
<b>Tại ngày 31/12/2025</b>	<b>139.514.545.455</b>	<b>139.514.545.455</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Tại ngày 01/01/2025	14.416.503.032	14.416.503.032
Khấu hao trong năm	5.580.581.820	5.580.581.820
<b>Tại ngày 31/12/2025</b>	<b>19.997.084.852</b>	<b>19.997.084.852</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Tại ngày 01/01/2025	125.098.042.423	125.098.042.423
<b>Tại ngày 31/12/2025</b>	<b>119.517.460.603</b>	<b>119.517.460.603</b>

Nhóm Công ty thuê máy móc thiết bị hiện đang vận hành trong dây chuyền sản xuất. Theo hợp đồng thuê tài chính ký ngày 27 tháng 4 năm 2022, Nhóm Công ty có thể mua lại máy móc thiết bị khi thời gian thuê hết hạn vào ngày 27 tháng 4 năm 2027. Các cam kết liên quan các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 5.18.

**5.10 Tình hình tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Bản quyền	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Tại ngày 01/01/2025	576.120.518	14.060.383.966	14.636.504.484
Mua trong năm	-	-	-
<b>Tại ngày 31/12/2025</b>	<b>576.120.518</b>	<b>14.060.383.966</b>	<b>14.636.504.484</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Tại ngày 01/01/2025	576.120.518	13.995.217.305	14.571.337.823
Khấu hao trong năm	-	45.999.996	45.999.996
<b>Tại ngày 31/12/2025</b>	<b>576.120.518</b>	<b>14.041.217.301</b>	<b>14.617.337.819</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày 01/01/2025	-	65.166.661	65.166.661
<b>Tại ngày 31/12/2025</b>	<b>-</b>	<b>19.166.665</b>	<b>19.166.665</b>

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

Tại ngày 01/01/2025	576.120.518	7.381.498.281	7.957.618.799
<b>Tại ngày 31/12/2025</b>	<b>576.120.518</b>	<b>7.381.498.281</b>	<b>7.957.618.799</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

### 5.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Chi phí xây dựng Dự án Lò Cao (*)	5.713.599.150.568	5.710.978.622.067
	<b>5.713.599.150.568</b>	<b>5.710.978.622.067</b>

(\*) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chủ yếu bao gồm các chi phí trực tiếp và các chi phí liên quan khác liên quan đến việc xây dựng Nhà máy Luyện Phôi Thép công suất 1 triệu tấn/năm tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ("Dự án Lò Cao"). Hiện dự án đã ngưng thực hiện do nhu cầu bảo trì, bảo dưỡng các thiết bị phân xưởng lò cao thuộc Nhà máy luyện phôi thép - Chi nhánh Công ty Cổ phần Thép Pomina. Công ty Cổ phần Thép Pomina quyết định tạm ngưng sản xuất Lò cao kể từ ngày 26 tháng 09 năm 2022.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, toàn bộ giá trị hình thành từ Dự án Lò Cao được dùng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng thương mại (Thuyết minh số 5.18).

### 5.12 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2025			01/01/2025		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>						
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – trái phiếu	-	-		10.000.000.000	-	(*)
Công ty Cổ Phần Tân Thành Mỹ <sup>(*)</sup>	11.402.985.380	(11.402.985.380)	(*)	11.402.985.380	(11.402.985.380)	(*)
<b>Cộng</b>	<b>11.402.985.380</b>	<b>(11.402.985.380)</b>	<b>(*)</b>	<b>21.402.985.380</b>	<b>(11.402.985.380)</b>	<b>(*)</b>

(i) Đây là khoản đầu tư vào Công ty Cổ Phần Tân Thành Mỹ với giá trị 11.402.985.380 VND. Hiện tại, Công ty này đã ngưng hoạt động theo Quyết định Cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản số 46/QĐ-CCTHADS ngày 26 tháng 09 năm 2017 của Cục thi hành án Dân sự tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

(\*) Tại ngày báo cáo, Nhóm Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá, Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

### 5.13 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2025	01/01/2025
	Giá trị VND	Giá trị VND
<b>Phải trả các bên liên quan</b>		
Công ty TNHH Thương mại Và Sản xuất Thép Việt	134.565.332	231.020
<b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b>		
Nansei Steel Co., Ltd	-	753.398.915.584
Công ty Cổ phần Thép Nam Sơn	589.583.862.568	556.243.580.560
Vesuvius Malaysia Sdn Bhd	56.999.898.305	64.610.043.765
Công ty TNHH MTV Bảo Ngọc Thụ	39.105.694.980	40.935.694.980
Công ty Cổ phần Nippon Sanso Việt Nam	32.100.968.123	32.198.396.403
Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Trung Việt	21.000.000.000	21.083.378.578
Công ty Cổ phần Đầu Tư Địa Ốc Đại Quang Minh	105.139.726.024	39.802.130.209
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Than Hùng Trọng	21.058.875.360	23.870.531.850
Công ty Cổ phần Logistics Vinacorp	20.102.958.312	20.274.207.018
China Machinery Industry International Cooperation Co., Ltd	197.033.042.146	1.469.068.797
Các nhà cung cấp khác	520.769.386.928	771.753.420.187
	<b>1.603.028.978.078</b>	<b>2.325.639.598.951</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, nợ quá hạn chưa thanh toán của Nhóm Công ty là 1.135.428.840.127 VND. Đến ngày phát hành báo cáo, Công ty đã thanh toán khoản nợ quá hạn là 48.951.413.020 VND.

### 5.14 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
<b>Trả trước của các khách hàng khác</b>		
Công ty Cổ phần Thép Nhật Châu	54.637.003.810	-
Công ty Cổ phần Xi măng Công Thanh	14.797.931.400	14.797.931.400
Công ty Cổ phần Thành Đại Phú Mỹ	4.307.799.314	4.307.799.314
Các khách hàng khác	863.040.950	4.140.337.021
	<b>74.605.775.474</b>	<b>23.246.067.735</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP POMINA  
Số 1, đường số 27, KCN Sóng Thần 2, Phường Dĩ An, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

5.15 Thuế và các khoản (phải thu)/phải nộp Nhà nước

	01/01/2025		Số phát sinh trong năm		31/12/2025	
	Phải nộp VND	Phải thu VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp/ khấu trừ VND	Phải nộp VND	Phải thu VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa	461.808.790	-	225.947.276.302	(224.720.000.140)	1.689.084.952	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	265.944.835.589	(265.944.835.589)	-	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	(24.585.610)	-	-	-	(24.585.610)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	955.527.564	(4.467.028.306)	1.148.071.709	(1.148.071.709)	955.527.564	(4.467.028.306)
Thuế thu nhập cá nhân	413.982.702	(1.454.183.714)	1.646.428.823	(1.551.733.397)	518.179.003	(1.463.684.589)
Tiền thuế đất	-	-	25.733.640	-	25.733.640	-
Các loại thuế khác	-	(24.735.294)	9.000.000	(9.000.000)	-	(24.735.294)
<b>Cộng</b>	<b>1.831.319.056</b>	<b>(5.970.532.924)</b>	<b>494.721.346.063</b>	<b>(493.373.640.835)</b>	<b>3.188.525.159</b>	<b>(5.980.033.799)</b>

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng tiêu thụ trong nước là không chịu thuế, 5%, 8% và 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất thông thường là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.





## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

### 5.16 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
<b>Phải trả các bên liên quan</b>		
Bà Đỗ Thị Kim Ngọc - Chi phí lãi vay	1.549.002.033	1.549.002.033
Ông Nguyễn Thế Anh Tuấn - Chi phí lãi vay	1.342.367.050	1.342.367.050
<b>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>		
Chi phí lãi vay và lãi phạt	1.542.463.142.784	947.686.073.352
Chi phí thuê đất trích trước	67.339.169.951	39.683.988.328
Chi phí phải trả khác	8.510.876.243	27.705.992.844
	<b>1.621.204.558.061</b>	<b>1.017.967.423.607</b>

### 5.17 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
<b>Phải trả các bên liên quan</b>		
Công ty TNHH Thương mại Và Sản xuất Thép Việt	172.597.345.888	10.824.822.126
Ông Đỗ Tiến Sĩ - cho mượn	-	1.242.000.000
Ông Đỗ Hoài Khánh Linh - cổ tức	2.548.383.419	2.548.383.419
Ông Đỗ Văn Phúc - cổ tức	2.290.750.000	2.290.750.000
Bà Đỗ Thị Kim Chi - cho mượn	-	5.200.000.000
<b>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – lãi phạt	8.837.537.284	6.152.209.060
Bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp	11.770.393.130	10.263.581.468
Phải trả tiền hợp tác đầu tư	6.123.530.035	6.123.530.035
Kinh phí công đoàn	5.080.035.042	5.051.014.290
Phải trả khác	7.994.498.453	8.644.667.562
	<b>217.242.473.251</b>	<b>58.340.957.960</b>

### 5.18 Vay và nợ thuê tài chính

#### 5.18.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	31/12/2025 Giá trị VND	01/01/2025 Giá trị VND
<b>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>		
Công ty Cổ phần Đầu tư Địa Ốc Đại Quang Minh (a)	300.000.000.000	300.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (b)	3.293.436.856.418	2.705.959.295.594
Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (c)	1.464.407.346.900	1.687.155.695.432
Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (d)	108.721.912.750	42.898.781.590
Ngân hàng thương mại cổ phần Phương Đông (e)	102.185.237.859	112.185.270.737
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (f)	470.418.105.320	475.218.105.320
Ngân hàng thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (g)	191.783.973.615	191.888.000.000
Ông Bùi Quang Thuận (h)	25.000.000.000	25.000.000.000
Công ty TNHH MTV Vina Nansei	-	13.853.191.624
	<b>5.955.953.432.862</b>	<b>5.554.158.340.297</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

- (a) Hợp đồng số 0116/HĐV/THADICO-POM ngày 16 tháng 01 năm 2023 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Địa Ốc Đại Quang Minh và Công ty Cổ phần Thép Pomina và các phụ lục gia hạn hợp đồng.
- Số dư: 300.000.000.000 VND;
  - Lãi suất vay: 12%/năm
  - Thời hạn vay: 6 tháng (gia hạn qua các lần đến 30 tháng 06 năm 2026)
  - Mục đích vay: Thực hiện kế hoạch đầu tư/kinh doanh, đặc biệt là thực hiện tái cấu trúc các khoản nợ.
  - Tài sản đảm bảo là 66.666.667 cổ phần tương ứng với giá trị là 666.666.670.000 VND và toàn bộ quyền, lợi tức và lợi ích thuộc sở hữu Công ty Cổ phần Thép Pomina.
- (b) Khoản vay bao gồm các hợp đồng sau:
- Hợp đồng cho vay hạn mức số 21.7320086/2021-HĐCVHM/NHCT900-POM3 ngày 28 tháng 12 năm 2021 và văn bản sửa đổi ngày 01 tháng 11 năm 2022 với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, Công ty Cổ phần Thép Pomina và Nhà máy Luyện phôi Thép - Chi nhánh Công ty Cổ phần Thép Pomina.
    - Hạn mức tín dụng: 1.646.000.000.000 VND;
    - Thời hạn hợp đồng: Từ 28 tháng 12 năm 2021 đến hết ngày 31 tháng 03 năm 2023;
    - Mục đích vay: Bổ sung vốn ngắn hạn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
    - Thời hạn cho vay: Không quá 06 tháng theo từng Giấy nhận nợ
    - Lãi suất: Theo từng giấy nhận nợ và điều chỉnh (nếu có);
    - Tài sản thế chấp:
      - + Hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh; các quyền lợi của từ các hợp đồng, các khoản bồi hoàn và các khoản thanh toán khác của Công ty Cổ phần Thép Pomina, Nhà máy Thép Pomina 1 - Chi nhánh Công ty Cổ phần Thép Pomina và Nhà máy Luyện phôi Thép - Chi nhánh Công ty Cổ phần Thép Pomina.
      - + Toàn bộ tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai liên quan đến dự án "Đầu tư tiếp các khâu thượng nguồn của dây chuyền luyện kim tại nhà máy luyện phôi thép công suất 1,0 triệu tấn phôi thép/năm" tại Khu công nghiệp Phú Mỹ I, Phường Phú Mỹ, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam.
      - + Tài sản thế chấp của bên thứ ba: Các cổ phiếu được phát hành và lưu hành bởi Công ty Cổ phần Thép Pomina thuộc sở hữu của Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Thép Việt.
  - Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số: 17.2680105/2017-HĐCVDADT/NHCT900-POMINA ngày 01 tháng 11 năm 2017 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh vào Công ty Cổ phần Thép Pomina.
    - Hạn mức tín dụng: 1.035.000.000.000 VND;
    - Thời hạn hợp đồng: 96 tháng kể từ ngày khoản giải ngân đầu tiên;
    - Thời hạn cho vay: theo từng lần giấy nhận nợ cụ thể;
    - Mục đích vay: phát hành bảo lãnh, mở LC;
    - Lãi suất: 10% - 10,8%/năm;
    - Tài sản thế chấp: Nhà Máy Luyện Phôi Thép 1 triệu tấn/năm hiện hữu, gồm: toàn bộ hệ thống máy móc thiết bị, nhà xưởng, tài sản gắn liền.
  - Hợp đồng cho vay hạn mức số 21.7320088/2021-HĐCVHM/NHCT900- POM1 ngày 28 tháng 12 năm 2021 giữa các bên: Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, Công ty Cổ phần Thép Pomina và Nhà máy Thép Pomina 1 – Chi nhánh Công ty Cổ phần Thép Pomina.
    - Hạn mức tín dụng: 250.000.000.000 VND;
    - Mục đích: Bổ sung vốn ngắn hạn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
    - Thời hạn của hạn mức: đến hết ngày 28 tháng 12 năm 2022;
    - Thời hạn cho vay: theo từng lần giấy nhận nợ cụ thể (6 tháng hoặc 7 tháng);
    - Lãi suất xác định theo từng lần nhận nợ;
    - Tài sản thế chấp bao gồm:
      - + Hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh;



## THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

- + Quyền đòi nợ và thụ hưởng số tiền đòi nợ; quyền được phần chia và sử dụng, khai thác và/hoặc sở hữu sản phẩm được phân chia; quyền yêu cầu hoàn trả tiền ứng trước, tiền phạt vi phạm, tiền bồi thường thiệt hại và thụ hưởng số tiền này; các quyền, lợi ích, các khoản bồi hoàn,...) phát sinh từ các khoản phải thu, các hợp đồng kinh tế, hợp đồng mua bán của Công ty Cổ phần Thép Pomina; Công ty Cổ phần Thép Pomina 2; Công ty TNHH Thương mại Thép Pomina.
  - + Toàn bộ máy móc thiết bị liên quan đến dự án đầu tư nhà máy luyện phôi thép 1.000.000 tấn/năm tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa, Vũng Tàu.
  - + Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 402, tờ bản đồ số 19, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ, Bà Rịa - Vũng Tàu và Thửa đất số 35, tờ bản đồ số 05, phường Tân Phước, thị xã Phú Mỹ, Bà Rịa - Vũng Tàu của Công ty Cổ phần Thép Pomina.
  - + Tài sản thế chấp là Tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 151, tờ bản đồ số 76. Địa chỉ: lô A1 CCN Nhơn Bình, Phường Nhơn Bình, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.
  - + Giấy chứng nhận QSDĐ số X065827, số vào sổ cấp GCN: 0009 QSDĐ ngày 03 tháng 1 năm 2004 do UBND TP Đà Nẵng cấp, cập nhật thay đổi chủ sở hữu /sử dụng mới nhất ngày 12 tháng 02 năm 2010.
  - + Giấy chứng nhận QSDĐ số AK 280438, số vào sổ cấp GCN: T01455 ngày 13 tháng 03 năm 2008 do UBND TP. Đà Nẵng cấp.
  - + Cổ phiếu được phát hành và lưu hành bởi Công ty Cổ phần Thép Pomina.
- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 22.8670021/2022-HĐCVHM/NHCT900-POM2 ngày 29 tháng 4 năm 2022 và các văn bản sửa đổi bổ sung khác từ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
- Hạn mức tín dụng: 1.200.000.000.000 VND;
  - Mục đích: Bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, L/C phục vụ sản xuất kinh doanh phôi thép và thép xây dựng;
  - Thời hạn của hạn mức: từ ngày 29 tháng 04 năm 2022 đến ngày 30 tháng 04 năm 2024;
  - Thời hạn cho vay: Thời hạn cho vay của từng Khoản Nợ được ghi trên Giấy Nhận Nợ (theo Mẫu của Bên Cho Vay) nhưng tối đa không quá sáu (06) tháng/GNN. Trường hợp giải ngân thanh toán LC trả chậm/UPAS LC: Thời gian cho vay tối đa = 06 tháng - Thời gian trả chậm LC/UPAS LC;
  - Lãi suất xác định theo từng lần nhận nợ;
  - Hình thức đảm bảo: Hàng hóa luân chuyển theo hợp đồng số 01/2013/HĐTC-NHCT900-POM2 ngày 23/12/2013 với tổng giá trị 800 tỷ VND và Quyền tài sản phát sinh từ các khoản phải thu, các hợp đồng kinh tế và hợp đồng mua bán với các khách hàng, đối tác trong quá trình sản xuất kinh doanh theo hợp đồng số 16.2680098/HĐTCQTS/NHCT900-POM2 ngày 14 tháng 10 năm 2016 với tổng giá trị 866.273.000.000 VND.

(c) Khoản vay bao gồm các hợp đồng sau:

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 03/2023/94229/HĐTD ngày 15 tháng 11 năm 2023 giữa các bên: Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam, Công ty Cổ Phần Thép Pomina và Nhà máy luyện phôi thép – Chi nhánh Công ty Cổ phần Thép Pomina và Nhà Máy thép Pomina 1 – Chi nhánh Công ty Cổ Phần Thép Pomina. Hạn mức tín dụng bao gồm toàn bộ dư nợ vay được chuyển tiếp từ hợp đồng tín dụng số 01/2020/94229/HĐTD ngày 16 tháng 12 năm 2020 và Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2023/94229/HĐTD ngày 08 tháng 03 năm 2023.
- Hạn mức tín dụng: 699.000.000.000 đồng;
  - Số dư: 696.788.193.093 VND
  - Mục đích: Cho vay bổ sung vốn lưu động và mở quỹ L/C.
  - Thời hạn cho vay: Không quá 06 tháng theo từng Giấy nhận nợ;
  - Lãi suất: theo từng lần nhận nợ
  - Tài sản thế chấp bao gồm:
    - + Quyền sử dụng đất: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số : 902/QSDĐ/2000 ngày 24 tháng 11 năm 2000 do UBND Tỉnh Bình Dương cấp tại Lô M, KCN Sóng Thần II, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương và tài sản gắn liền với đất đem thế chấp .



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

- + Danh mục hàng hóa theo danh mục gồm: Máy cán thép, Sàn nguội, Máy biến áp, Máy cắt điện, Lò gia nhiệt, Hệ thống xử lý nước, hệ thống khí nén, Bồn dầu, Tủ bù, Cấp điện, ...
  - + Hàng tồn kho tại Công ty Cổ phần Thép Pomina và Nhà máy Luyện phôi Thép – Chi nhánh Công ty Cổ phần Thép Pomina và Nhà máy Thép Pomina 1 – Chi nhánh Công ty Cổ phần Thép Pomina.
  - + 79.600.000 cổ phiếu thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Thép Pomina tại Công ty Cổ phần Thép Pomina 2.
  - + Quyền sử dụng đất số 02/01/HD-14/0001820 ngày 15 tháng 11 năm 2001 với Công ty Cổ phần Thép Pomina theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 902/QSDĐ/2000 ngày 24 tháng 11 năm 2000 do UBND tỉnh Bình Dương cấp và Tài sản gắn liền với đất.
- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2023/1770447/HĐTD ngày 13 tháng 11 năm 2023 và các văn bản sửa đổi bổ sung khác từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
- Hạn mức tín dụng: 1.000.000.000.000 đồng;
  - Mục đích: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C;
  - Thời hạn cấp hạn mức: Kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 31 tháng 01 năm 2025;
  - Thời hạn cho vay: Xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể, Hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể, L/C được phát hành;
  - Lãi suất: theo từng lần nhận nợ;
  - Hình thức đảm bảo: Tài sản thế chấp đã hoặc sẽ hình thành được lưu kho của Công ty Cổ phần Thép Pomina 2 bao gồm phần tài sản được hình thành từ sự thay thế, thay đổi hình thái/hình thức, giá trị tăng thêm... tại địa chỉ Khu Công Nghiệp Phú Mỹ I, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, Tài sản trên đất Nhà máy cán thép và nhà máy luyện phôi thép 50.000 tấn/năm và tất cả các quyền, quyền sở hữu, lợi ích đi kèm của khu đất này, Máy móc thiết bị, thiết bị phụ trợ; phương tiện vận tải và công cụ dụng cụ quản lý đã qua sử dụng.
- (d) Hợp đồng cho thuê tài chính số 33/2022/CN.MN-CTTC ngày 27 tháng 04 năm 2022 giữa Công ty cho thuê Tài Chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh và Công ty Cổ phần Thép Pomina:
- Giá trị tài sản cho thuê tạm tính là: 204.713.300.000 đồng;
  - Mục đích: tài sản thuê là hệ thống Lò với đôi, công suất 600 tấn/ngày tại Nhà máy thép Pomina 3;
  - Lãi suất: 7,5%/năm cho 3 tháng đầu, thời hạn còn lại áp mức trần lãi suất huy động VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau suất + 3,5%/năm;
  - Thời hạn cho thuê là 60 tháng.
- (e) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0292/2023/HĐTD-OCB-DN ngày 22 tháng 12 năm 2023 và các văn bản sửa đổi bổ sung khác từ Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh TP. Đồng Nai.
- Hạn mức tín dụng: 115.000.000.000 VND;
  - Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh gang thép, các sản phẩm từ thép, Nhập khẩu/mua trong nước nguyên vật liệu phục vụ sản xuất kinh doanh gang thép và các sản phẩm từ thép;
  - Thời hạn vay được quy định tại Hợp đồng tín dụng cụ thể;
  - Lãi suất vay được quy định cụ thể theo từng Giấy nhận nợ;
  - Hình thức đảm bảo 12.000.000 cổ phiếu phổ thông đã niêm yết do Công ty Cổ phần Thép Pomina phát hành theo hợp đồng cầm cố chứng khoán số 0292/2023/BĐ ngày 22 tháng 12 năm 2022;
  - Dư nợ tại ngày 31 tháng 12 năm 2025: 102.185.237.859 VND.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

(f) Khoản vay bao gồm:

- Hợp đồng cấp tín dụng số 032K22 giữa Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương và Nhà máy Thép Pomina 1 - Chi nhánh Công ty Cổ phần Thép Pomina
  - Hạn mức tín dụng: 450.000.000.000 VND;
  - Số dư: 423.479.091.325 VND;
  - Mục đích: phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
  - Thời hạn của hạn mức: đến hết ngày 11 tháng 05 năm 2023;
  - Thời hạn cho vay: Không quá 06 tháng theo từng Giấy nhận nợ
  - Lãi suất: theo từng lần nhận nợ;
  - Tài sản thế chấp bao gồm:
    - + Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của Công ty Cổ phần Thép Pomina theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất về tài sản gắn liền với đất 047TC17 ngày 04 tháng 04 năm 2017.
    - + Quyền sử dụng đất số phát hành T313914, số vào sổ 98 QSDĐ/2003 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp ngày 28 tháng 03 năm 2003 tại Khu Công nghiệp Sóng Thần 2, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương.
    - + Tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng số phát hành 747242594200246 tại Khu Công nghiệp Sóng Thần 2, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương
    - + Máy móc thiết bị của Công ty Cổ phần Thép Pomina theo Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 048TC17 ngày 04 tháng 04 năm 2017 gồm xe nâng SANYO, model FD35T9 - 3.5 tấn, Giá căn tính 436, Giá căn thô HL445, Máy đào bánh xích, ....
    - + Hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất, kinh doanh.
  - Tài sản thế chấp bên thứ ba:
    - + Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn số 065TC21 ngày 06 tháng 05 năm 2021 giữa Ngân hàng và ông Đỗ Tiến Sĩ – bà Nguyễn Tuyết Anh.
    - + 20.000.000 Cổ phiếu Công ty Cổ phần Thép Pomina thuộc sở hữu Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Thép Việt.
- Hợp đồng cho vay số 033B22 ngày 12 ngày 05 ngày 2022 giữa Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương và Nhà máy Luyện phôi Thép - Chi nhánh Công ty Cổ phần Thép Pomina
  - Hạn mức tín dụng: 450.000.000.000 VND;
  - Ngày hết hạn: 11 ngày 05 ngày 2023;
  - Mục đích vay: phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
  - Thời hạn cho vay: 06 tháng kể từ ngày ghi trên từng giấy nhận nợ;
  - Lãi suất: theo từng lần nhận nợ;
  - Tài sản thế chấp bao gồm:
    - + Máy móc thiết bị;
    - + Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất;
    - + Tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng và toàn bộ số tiền lãi phát sinh;
    - + Hàng tồn kho gồm: Hàng đang ở trong kho, Hàng ngoài kho, Hàng hình thành trong tương lai và được để lại: Kho hàng tại Nhà máy Thép Pomina 1 - Chi nhánh Công ty Cổ phần Thép Pomina và Kho hàng tại Nhà máy Luyện phôi Thép - Chi nhánh Công ty Cổ phần Thép Pomina.
- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 041/2228/N-CTD ngày 10 tháng 5 năm 2022 và các văn bản sửa đổi bổ sung khác từ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
  - Hạn mức tín dụng: 100.000.000.000 VND;
  - Thời hạn cấp hạn mức: Đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2023;
  - Mục đích vay: Được quy định cụ thể trong các hợp đồng vay cụ thể;
  - Thời hạn cho vay: 06 tháng kể từ ngày ghi trên từng giấy nhận nợ;
  - Lãi suất: Được xác định tại thời điểm giải ngân vốn cho vay theo thông báo lãi suất cho vay của Ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên từng Giấy nhận nợ;
  - Hình thức đảm bảo: Hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất, kinh doanh theo hợp đồng thế chấp hàng hóa số 0123/1928/TCĐN1 ký ngày 29 tháng 11 năm 2019.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

(g) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 19425MN/HĐTD ngày 28 tháng 04 năm 2022 và Phụ lục hợp đồng tín dụng số 19425/22MN/HĐTD/PL01 ngày 28 tháng 03 năm 2023 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Vũng Tàu và Công ty Cổ phần Thép Pomina.

- Hạn mức tín dụng: 210.000.000.000 VND;
- Số dư: 191.783.973.615 VND;
- Ngày hết hạn: ngày 28 tháng 06 năm 2023;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
- Thời hạn cho vay: Không quá 06 tháng theo từng Giấy nhận nợ;
- Lãi suất: theo từng lần nhận nợ;
- Tài sản thế chấp bao gồm:
  - + Bảo lãnh của Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Thép Việt;
  - + Hàng tồn kho luân chuyển hình thành từ vốn vay (thép, phôi thép, sắt, gang và các nguyên vật liệu khác);
  - + Nguồn thu từ chính BCT chiết khấu LC, DP thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Thép Pomina.

(h) Hợp đồng cho vay tiền số HDV24/001 ngày 31 tháng 12 năm 2024 với Ông Bùi Quang Thuận.

- Số tiền vay: 25.000.000.000 VND;
- Thời hạn hợp đồng: 12 tháng;
- Ngày hết hạn: ngày 31 tháng 12 năm 2025;
- Mục đích: Trả nợ cho ngân hàng BIDV - CN TP.HCM;
- Lãi suất: 2,80%/năm.
- Tài sản thế chấp: tín chấp

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm như sau:

	01/01/2025	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Phân loại lại	31/12/2025
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn ngân hàng</b>					
Công ty Cổ phần Đầu tư Địa Ốc Đại Quang Minh	300.000.000.000	-	-	-	300.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	2.705.959.295.594	-	(12.507.439.176)	599.985.000.000	3.293.436.856.418
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	1.687.155.695.432	1.306.185.717.046	(1.528.934.065.578)	-	1.464.407.346.900
Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	42.898.781.590	-	-	65.823.131.160	108.721.912.750
Ngân hàng TMCP Phương Đông	112.185.270.737	-	(10.000.032.878)	-	102.185.237.859
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	475.218.105.320	-	(4.800.000.000)	-	470.418.105.320
Ông Bùi Quang Thuận	25.000.000.000	-	-	-	25.000.000.000
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	191.888.000.000	-	(104.026.385)	-	191.783.973.615
Công ty TNHH MTV Vina Nansei	13.853.191.624	129.444.025.934	(143.297.217.558)	-	-
	<b>5.554.158.340.297</b>	<b>1.435.629.742.980</b>	<b>(1.699.642.781.575)</b>	<b>665.808.131.160</b>	<b>5.955.953.432.862</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

### 5.18.2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	31/12/2025	01/01/2025
	Giá trị VND	Giá trị VND
<b>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>		
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (a)	-	599.985.000.000
Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (b)	10.266.875.620	76.090.006.780
	<b>10.266.875.620</b>	<b>676.075.006.780</b>

(a) Tham chiếu tại mục b – 5.18.1

(b) Tham chiếu tại mục d – 5.18.1

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn trong năm như sau:

	01/01/2025	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Phân loại lại	31/12/2025
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>					
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	599.985.000.000	-	-	(599.985.000.000)	-
Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	76.090.006.780	-	-	(65.823.131.160)	10.266.875.620
	<b>676.075.006.780</b>	-	-	<b>(665.808.131.160)</b>	<b>10.266.875.620</b>

### 5.18.3 Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

	31/12/2025			01/01/2025		
	Số tiền gốc vay VND	Lãi vay VND	Cộng VND	Số tiền gốc vay VND	Lãi vay VND	Cộng VND
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	2.313.385.382.280	897.579.416.757	3.210.964.799.037	1.725.912.821.456	480.478.677.474	2.206.391.498.930
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN	504.708.412.198	-	504.708.412.198	-	-	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	416.679.091.325	-	416.679.091.325	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Địa Ốc Đại Quang Minh	300.000.000.000	-	300.000.000.000	-	-	-
Ngân hàng TMCP Phát triển TP.HCM	191.783.973.615	-	191.783.973.615	-	-	-
Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	108.721.912.750	-	108.721.912.750	-	-	-
	<b>3.835.278.772.168</b>	<b>897.579.416.757</b>	<b>4.732.858.188.925</b>	<b>1.725.912.821.456</b>	<b>480.478.677.474</b>	<b>2.206.391.498.930</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP POMINA  
Số 1, đường số 27, KCN Sóng Thần 2, Phường Dĩ An, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

5.19 Vốn chủ sở hữu

5.19.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Số dư tại 01/01/2024	2.796.763.360.000	35.000.000.000	(31.347.567.000)	61.428.346.574	(1.646.941.965.227)	1.550.316.845	1.216.452.491.192
Lỗi trong năm	-	-	-	-	(1.009.777.378.785)	(970.224.215)	(1.010.747.603.000)
Số dư tại 31/12/2024	2.796.763.360.000	35.000.000.000	(31.347.567.000)	61.428.346.574	2.656.719.344.012	580.092.630	205.704.888.192
Số dư tại 01/01/2025	2.796.763.360.000	35.000.000.000	(31.347.567.000)	61.428.346.574	(2.656.719.344.012)	580.092.630	205.704.888.192
Lỗi trong năm	-	-	-	-	(835.683.712.451)	(763.593.062)	(836.447.305.513)
Số dư tại 31/12/2025	2.796.763.360.000	35.000.000.000	(31.347.567.000)	61.428.346.574	(3.492.403.056.463)	(183.500.432)	(630.742.417.321)

5.19.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (sửa đổi), vốn điều lệ của Văn phòng là 2.796.763.360.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, vốn điều lệ của Công ty đã được góp đủ bởi các thành viên như sau:

	31/12/2025		01/01/2025	
	Số cổ phần	Số tiền VND	Số cổ phần	Số tiền VND
Công ty TNHH Thương Mại và Sản xuất Thép Việt (*)	116.335.815	1.163.358.150.000	116.335.815	1.163.358.150.000
Các cổ đông khác	163.340.521	1.633.405.210.000	163.340.521	1.633.405.210.000
	279.676.336	2.796.763.360.000	279.676.336	2.796.763.360.000
		100,00		100,00

(\*) Trong đó, bao gồm 115.672.053 cổ phiếu đang bị phong tỏa, tương ứng với giá trị 1.156.720.530.000 VND và chiếm 41,36% tổng vốn chủ sở hữu đã được thể chấp cho các khoản vay của Công ty; và theo Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán thực hiện quyền (Ngày đăng ký cuối cùng: ngày 07 tháng 04 năm 2026), một phần số lượng cổ phiếu sở hữu của Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Thép Việt đã được chuyển quyền sở hữu cho Cơ quan Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh với tỷ lệ là 10,34% (trên tổng vốn điều lệ), tương ứng với số lượng 28.812.100 cổ phần. Số tiền tương ứng là 288.121.000.000 VND.

CHỖ CHỮ  
T N A M  
O A N  
H  
T Y  
995-  
B I N  
H  
P H  
I E P  
327



**5.19.3 Cổ phiếu**

	<b>31/12/2025</b>	<b>01/01/2025</b>
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	279.676.336	279.676.336
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	279.676.336	279.676.336
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	279.676.336	279.676.336
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(1.132.790)	(1.132.790)
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(1.132.790)	(1.132.790)
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	278.543.546	278.543.546
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	278.543.546	278.543.546
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

**5.20 Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**

**5.20.1 Ngoại tệ các loại**

	<b>31/12/2025</b>	<b>01/01/2025</b>
Đô la Mỹ (USD)	93.076,13	430.396,61
Euro (EUR)	1.191,23	1.190,64

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**6.1 Doanh thu cung cấp dịch vụ**

**6.1.1 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<b>Năm 2025</b>	<b>Năm 2024</b>
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	1.927.760.090.381	2.296.409.695.242
Doanh thu bán hàng hóa	-	27.445.582.020
Doanh thu bán phế liệu	38.691.533.425	11.423.194.990
Doanh thu cung cấp dịch vụ	213.136.674.105	12.106.217.500
Doanh thu bán nguyên vật liệu	325.281.600	30.470.960.108
Doanh thu từ cho thuê cơ sở hạ tầng	26.542.487.656	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>2.206.456.067.167</b>	<b>2.377.855.649.860</b>

**6.1.2 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan**

	<b>Năm 2025</b>	<b>Năm 2024</b>
	VND	VND
Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Thép Việt	27.494.538.300	237.347.113.055
	<b>27.494.538.300</b>	<b>237.347.113.055</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

### 6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Giá vốn của thành phẩm	1.815.147.788.362	2.299.238.728.045
Giá vốn của hàng hóa	11.261.790.353	57.351.756.065
Giá vốn phế liệu	37.458.464.565	32.663.224.297
Giá vốn dịch vụ	188.531.846.955	8.605.844.882
Giá vốn của nguyên vật liệu	21.141.787.210	7.038.642.034
Dự phòng/ (Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(4.641.506)	(719.063.630)
	<b>2.073.537.035.939</b>	<b>2.404.179.131.693</b>

### 6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lãi tiền gửi và cho vay	973.446.737	684.548.680
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.153.313.394	7.937.821.055
	<b>2.126.760.131</b>	<b>8.622.369.735</b>

### 6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí lãi vay	710.807.800.469	688.038.520.719
Lỗ chênh lệch tỷ giá	34.387.496.867	38.995.860.011
	<b>745.195.297.336</b>	<b>727.034.380.730</b>

### 6.5 Chi phí bán hàng

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nhân viên	2.736.954.953	1.328.995.842
Chi phí vận chuyển	314.268.878	10.902.341.895
Chi phí bán hàng khác	345.803.462	279.180.000
	<b>3.397.027.293</b>	<b>12.510.517.737</b>

### 6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nhân viên quản lý	32.268.374.976	37.403.206.720
Chi phí đồ dùng văn phòng	229.257.922	1.246.463.270
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.415.382.464	1.810.914.035
Thuế, phí, lệ phí	35.056.640	34.900.225
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng nợ phải thu khó đòi	117.346.298	(8.668.817.552)
Chi phí dịch vụ	29.902.833.952	2.179.786.937
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	10.027.127.753	42.047.537.635
	<b>73.995.380.005</b>	<b>76.053.991.270</b>



**6.7 Thu nhập khác**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lãi do thanh toán công nợ	-	6.905.605.271
Thu nhập từ hỗ trợ bán hàng	25.049.226.806	12.024.638.963
Thu nhập từ cho thuê mặt bằng, thuê xe	1.394.719.520	2.647.250.309
Lãi thanh lý tài sản cố định	-	442.170.000
Thu từ phế liệu	15.241.955.000	-
Hàng thừa kiểm kê	3.666.293.056	-
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cho thuê tài chính	90.909.091	658.744.616
Thu nhập khác	1.057.313.038	826.391.556
	<b>46.500.416.511</b>	<b>23.504.800.715</b>

**6.8 Chi phí khác**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Khấu hao tài sản cố định không sử dụng	114.412.752.134	115.466.198.276
Phạt vi phạm hành chính	12.287.636.650	21.406.820.988
Chi phí lãi phạt, lãi quá hạn	50.296.560.170	1.142.906.441
Chi phí hao hụt	123.296.207	47.285.751.983
Tiền phạt, tiền bồi thường	452.323.843	-
Hàng tồn kho thiếu qua kiểm kê	4.240.081.065	-
Phân bổ lợi thế thương mại	5.501.020.488	5.501.020.488
Khấu hao tài sản cho thuê tài chính	5.580.581.820	5.580.581.820
Chi phí thanh lý xe	-	4.053.252.599
Chi phí khác	3.908.980.322	792.321.390
	<b>196.803.232.699</b>	<b>201.228.853.985</b>

**6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2025	Năm 2024
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	VND (835.683.712.451)	(1.009.777.378.785)
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ	VND -	-
<b>Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>VND (835.683.712.451)</b>	<b>(1.009.777.378.785)</b>
Số lượng cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ đang lưu hành bình quân trong năm	CP 278.543.546	278.543.546
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>VND/CP (3.000)</b>	<b>(3.625)</b>

**6.10 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu bao bì, hàng hóa	1.530.511.676.970	2.352.425.305.530
Chi phí nhân viên	114.583.583.250	90.292.438.738
Chi phí khấu hao tài sản cố định	43.130.986.498	56.637.309.270
Chi phí dịch vụ mua ngoài	81.090.687.310	54.311.548.610
Chi phí/ (hoàn nhập) dự phòng	5.960.409.955	2.858.436.921
Chi phí bằng tiền khác	78.553.922.623	17.508.457.580
	<b>1.853.831.266.606</b>	<b>2.574.033.496.649</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

### 7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

#### 7.1 Tiền thu từ đi vay

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	1.443.653.846.495	1.917.548.802.655
	<b>1.443.653.846.495</b>	<b>1.917.548.802.655</b>

#### 7.2 Tiền trả nợ gốc vay

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	1.699.642.781.575	1.879.131.257.273
	<b>1.699.642.781.575</b>	<b>1.879.131.257.273</b>

### 8. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Nhóm Công ty có các tài sản tài chính như các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Nhóm Công ty. Nợ phải trả tài chính của Nhóm Công ty chủ yếu bao gồm các khoản nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Nhóm Công ty.

Nhóm Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty. Nhóm Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro nhằm đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

#### i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro ngoại tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

##### *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Nhóm Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Nhóm Công ty.

Nhóm Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Nhóm Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

### *Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Nhóm Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty.

Nhóm Công ty có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua, bán bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty, chủ yếu bằng Đô la Mỹ (USD).

Rủi ro tỷ giá hối đoái của Nhóm Công ty được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua việc mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro tỷ giá hối đoái ngắn hạn vượt mức cho phép.

### **ii. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Nhóm Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

#### *Phải thu khách hàng*

Nhóm Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Nhóm Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Nhóm Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Nhóm Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

#### *Tiền gửi ngân hàng*

Nhóm Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Nhóm Công ty theo chính sách của Nhóm Công ty. Nhóm Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp, ngân hàng là thấp.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm ngoại trừ các khoản phải thu được trình bày tại thuyết minh số 5.2 và khoản đầu tư được trình bày tại mục 5.12.

### **iii. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Nhóm Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Nhóm Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Nhóm Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Nhóm Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với nợ phải trả tài chính và thời hạn thanh toán như đã thỏa thuận trên cơ sở dòng tiền chưa được chiết khấu theo ngày sớm nhất mà Nhóm Công ty phải trả:

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng cộng VND
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2025</b>			
Phải trả người bán	1.603.028.978.078	-	1.603.028.978.078
Chi phí phải trả	1.621.204.558.061	-	1.621.204.558.061
Phải trả khác	200.392.045.079	-	200.392.045.079
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	5.955.953.432.862	10.266.875.620	5.966.220.308.482
	<b>9.380.579.014.080</b>	<b>10.266.875.620</b>	<b>9.390.845.889.700</b>
<b>Ngày 01 tháng 01 năm 2025</b>			
Phải trả người bán	2.325.669.365.951	-	2.325.669.365.951
Chi phí phải trả	1.017.967.423.607	-	1.017.967.423.607
Phải trả khác	43.026.362.202	-	43.026.362.202
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	5.554.158.340.297	676.075.006.780	6.230.233.347.077
	<b>8.940.821.492.057</b>	<b>676.075.006.780</b>	<b>9.616.896.498.837</b>

Nhóm Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Nhóm Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

### Tài sản đảm bảo

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025:

Nhóm Công ty đang thế chấp tài sản cố định của mình để đảm bảo cho khoản vay – xem mục 5.18;

Nhóm Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của bên khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2025.

### iv. Giá trị hợp lý

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty:

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	10.000.000.000	-	10.000.000.000
Các khoản phải thu				
Phải thu khách hàng	982.060.722.317	1.301.315.084.119	982.060.722.317	1.301.315.084.119
Phải thu khác	10.575.580.575	13.557.240.656	10.575.580.575	13.557.240.656
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
Tiền và các khoản tương đương tiền	25.872.959.800	58.765.361.462	25.872.959.800	58.765.361.462
	<b>1.018.509.262.692</b>	<b>1.383.637.686.237</b>	<b>1.018.509.262.692</b>	<b>1.383.637.686.237</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Phải trả người bán	1.603.028.978.078	2.325.639.598.951	1.603.028.978.078	2.325.639.598.951
Chi phí phải trả	1.621.204.558.061	1.017.967.423.607	1.621.204.558.061	1.017.967.423.607
Phải trả khác	200.392.045.079	43.026.362.202	200.392.045.079	43.026.362.202
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	5.966.220.308.482	6.230.233.347.077	5.966.220.308.482	6.230.233.347.077
	<b>9.390.845.889.700</b>	<b>9.616.866.731.837</b>	<b>9.390.845.889.700</b>	<b>9.616.866.731.837</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Nhóm Công ty sử dụng các phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý cho mục đích thuyết trình trên Báo cáo tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả, phải nộp khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn hạn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác được Tập đoàn đánh giá dựa trên các thông tin về khoản trả nợ của từng khách hàng và đối tượng nợ. Trên cơ sở đánh giá này, Tập đoàn ước tính dự phòng cho phần không thu hồi được theo dự tính của các khoản phải thu này. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tập đoàn đánh giá giá trị ghi sổ của các khoản phải thu sau khi trừ đi dự phòng không khác biệt đáng kể với giá trị hợp lý.
- Giá trị hợp lý của chứng khoán niêm yết được xác định dựa trên giá công bố tại ngày lập báo cáo.
- Giá trị hợp lý của chứng khoán chưa niêm yết, các khoản đầu tư tài chính mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính được trình bày bằng giá trị ghi sổ.
- Các khoản vay ngân hàng mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các khoản vay ngân hàng được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

### 9. CÁC THÔNG TIN KHÁC

#### 9.1 Nợ tiềm tàng

Theo Quyết định số 15624/QĐ-THADS ngày 12 tháng 11 năm 2025 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty Cổ phần Thép Pomina phải thi hành án theo yêu cầu của Công ty TNHH Khoáng sản Bảo Bảo. Công ty có nghĩa vụ thanh toán tổng số tiền 2.178.927.064 VND, trong đó bao gồm 1.600.000.000 VND tiền hàng còn nợ và 578.927.064 VND tiền lãi chậm thanh toán tính đến ngày xét xử (theo Bản án số 15/2025/KDTM-ST ngày 29 tháng 08 năm 2025 của Tòa án Nhân dân Khu vực 16 – TP. Hồ Chí Minh). Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, Công ty còn phải chịu thêm lãi theo quy định của Bộ luật Dân sự cho đến khi thanh toán xong. Tại ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty chưa ghi nhận dự phòng cho các khoản nợ và lãi phải trả phát sinh thêm liên quan đến vụ án này trên báo cáo tài chính riêng do quyết định thi hành án mới được ban hành và việc thực thi còn đang trong quá trình triển khai.

Theo Quyết định số 13183/QĐ-THADS ngày 06 tháng 11 năm 2025 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty Cổ phần Thép Pomina phải thi hành án theo yêu cầu của Công ty TNHH Thương mại Đầu tư Thiện Long. Công ty có nghĩa vụ thanh toán tổng số tiền 25.695.737.535 VND, trong đó bao gồm 19.184.367.911 VND tiền hàng còn nợ và 6.511.369.624 VND tiền lãi chậm thanh toán tính đến ngày xét xử (theo Bản án số 06/2025/KDTM-ST ngày 22 tháng 07 năm 2025 của Tòa án Nhân dân Khu vực 16 – TP. Hồ Chí Minh). Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, Công ty còn phải chịu thêm lãi theo quy định của Bộ luật Dân sự cho đến khi thanh toán xong. Tại ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty chưa ghi nhận dự phòng cho các khoản nợ và lãi phải trả phát sinh thêm liên quan đến vụ án này trên báo cáo tài chính riêng do quyết định thi hành án mới được ban hành và việc thực thi còn đang trong quá trình triển khai.

Ngoài ra, Nhóm công ty đang có nhiều vụ kiện tụng do quá hạn thanh toán được nêu tại thuyết minh mục 5.13 và 5.18.3. Tại ngày lập báo cáo tài chính này, ngoài khoản nợ ghi nhận theo hóa đơn phát sinh, Công ty chưa ghi nhận các khoản dự phòng về lãi và nợ phải trả phát sinh thêm liên quan đến các vụ án kiện tụng trên báo cáo tài chính riêng.

#### 9.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Nhóm Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**9.2.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và các thành viên Ban điều hành. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Ông Đỗ Xuân Chiêu	Nhận chuyển nhượng vốn	-	31.918.964.721
Ông Đỗ Tiến Sĩ	Trả tiền mượn Mượn tiền	1.242.000.000 -	6.050.000.000 615.000.000
Bà Đỗ Thị Kim Ngọc	Vay Cán trừ tiền vay Chi phí lãi vay	- - -	9.374.036.940 10.922.383.860 397.363.317
Ông Nguyễn Thế Anh Tuấn	Tạm ứng Hoàn ứng	16.251.222 16.251.222	- -
Bà Đỗ Thị Kim Chi	Mượn tiền Trả tiền mượn Cho mượn tiền	6.075.000.000 11.275.000.000 6.510.000.000	5.200.000.000 - -
Bà Nguyễn Thanh Lan	Cho mượn tiền	1.849.550.000	-

Số dư các khoản phải thu/(phải trả) với các công ty có liên quan:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Ông Đỗ Xuân Chiêu	Phải thu ngắn hạn Phải thu dài hạn	272.197.693.279 -	- 272.197.693.279
Ông Đỗ Tiến Sĩ	Phải trả khác	-	1.242.000.000
Bà Đỗ Thị Kim Ngọc	Chi phí phải trả ngắn hạn	1.549.002.033	1.549.002.033
Ông Nguyễn Thế Anh Tuấn	Chi phí phải trả ngắn hạn	1.342.367.050	1.342.367.050
Ông Đỗ Văn Phúc	Phải trả ngắn hạn khác	2.290.750.000	2.290.750.000
Ông Đỗ Hoài Khánh Linh	Phải trả khác	2.548.383.419	2.548.383.419
Bà Đỗ Thị Kim Chi	Phải trả khác	6.510.000.000	5.200.000.000
Ông Trương Thành Công	Phải thu ngắn hạn khác	381.990.542	441.990.542
Bà Nguyễn Thanh Lan	Phải thu ngắn hạn khác	1.849.550.000	-



Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Ông Nguyễn Thế Anh Tuấn	675.000.000	473.091.958
Ông Trương Thành Công	502.487.823	433.753.149
Ông Đỗ Tiến Sĩ	671.999.998	676.799.283
Ông Đỗ Văn Khánh	671.999.998	645.238.632
Ông Đỗ Hoài Khánh Linh	1.128.165.115	460.806.115
Ông Mai Duy Khương	535.357.560	459.658.767
	<b>4.185.010.494</b>	<b>3.149.347.904</b>

**9.2.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

Trong năm, Công ty có phát sinh nghiệp vụ chủ yếu với các Công ty có liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
<b>Công ty TNHH Thương Mại và Sản xuất Thép Việt</b>			
	Trả tiền mượn	4.005.231.020	-
	Lãi vay trích trước	-	2.099.316.940
	Bán hàng	26.426.508.300	235.518.567.055
	Cung cấp dịch vụ	1.068.030.000	564.943.300
	Mua hàng hóa	645.478.000	9.305.433.128
	Mua dịch vụ	514.354.028	922.844.525
	Mượn vốn	-	4.319.750.000
	Cần trừ nợ vay	-	9.381.400.110
	Chi hộ	167.076.500.000	-
	Thu hồi tiền mượn	2.000.000.000	-

Công nợ với các bên liên quan:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
<b>Công ty TNHH Thương Mại và Sản xuất Thép Việt</b>			
	Phải thu ngắn hạn	684.230.971.707	677.083.387.034
	Trả trước người bán ngắn hạn	24.735.010.000	24.199.362.140
	Ký quỹ thuê mặt bằng	10.000.000	10.000.000
	Phải trả người bán ngắn hạn	134.565.332	231.020
	Phải trả ngắn hạn khác	172.597.345.888	10.824.822.126

**9.3 Cam kết thuê hoạt động**

Nhóm Công ty hiện đang thuê đất theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc năm tài chính 2025, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Từ 1 năm trở xuống	21.856.690.984	21.686.984.495
Trên 1 năm đến 5 năm	87.426.763.935	86.747.937.979
Trên 5 năm	402.479.701.859	412.866.955.188
	<b>511.763.156.778</b>	<b>521.301.877.662</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

### 9.4 Khả năng hoạt động liên tục

Nhóm Công ty đã phát sinh một khoản lỗ thuần trên Báo cáo tài chính Hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 835.683.712.451 VND, lũy kế khoản lỗ đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 3.492.403.056.462 VND. Và cũng tại ngày này, khoản nợ phải trả ngắn hạn của Nhóm Công ty lớn hơn tài sản ngắn hạn là 7.478.288.104.022 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là 6.414.028.014.366 VND).

Theo đó, khả năng tiếp tục hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty phụ thuộc vào khả năng tiếp tục tạo ra dòng tiền từ hoạt động trong tương lai và sự tiếp tục hỗ trợ về mặt tài chính từ các ngân hàng.

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, số lượng nhân viên giảm đáng kể chỉ còn duy trì Ban Tổng Giám đốc và Kế toán Trưởng. Ban Tổng Giám đốc đã có những đánh giá về khả năng tiếp tục hoạt động của Nhóm Công ty như sau:

- Theo Nghị quyết số 0318/HĐQT/2026 ngày 18 tháng 03 năm 2026, xác định ngày 07 tháng 04 năm 2026 là ngày đăng ký cuối cùng chốt quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 dự kiến diễn ra vào ngày 04 tháng 05 năm 2026, nhằm đệ trình và thông qua các phương án tái cấu trúc Pomina Group.
- Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Hội đồng quản trị đang lập kế hoạch đưa Công ty trở lại tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Ban Tổng Giám đốc tin rằng các đánh giá trên là đúng đắn. Ban Tổng Giám đốc cam kết Công ty vẫn tiếp tục hoạt động kinh doanh và Hội đồng Quản trị đã có những kế hoạch để duy trì hoạt động trong tương lai.
- Theo Thông báo số 02-2026/TB-TV ngày 12 tháng 03 năm 2026 của Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Thép Việt gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và Công ty Cổ phần Thép Pomina, xác định việc tổ chức này đăng ký giao dịch bán 7,5 triệu cổ phiếu POM nhằm mục đích thu xếp dòng tiền thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty Cổ phần Thép Pomina.
- Theo Hợp đồng hợp tác, hỗ trợ số 3101/2026/HĐK/VHM-POMINA giữa Công ty cổ phần Vinhomes và Pomina Group (bao gồm Công ty cổ phần Thép Pomina, Nhà máy Thép Pomina 1 - Chi nhánh công ty Cổ phần Thép Pomina, Công ty cổ phần Thép Pomina 2 và Nhà máy luyện Phôi thép (Pomina 3) - Chi nhánh Công ty cổ phần thép Pomina) ngày 31 tháng 01 năm 2026 nhằm đảm bảo nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh trong thời hạn 02 năm kể từ năm 2026, qua đó hỗ trợ nhu cầu vốn lưu động và từng bước khôi phục hoạt động của Công ty. Từ tháng 03 năm 2026, Công ty đã khôi phục hoạt động sản xuất tại Nhà máy Thép Pomina 1 và Công ty Cổ phần Thép Pomina 2. Hoạt động sản xuất đã được triển khai trở lại và bắt đầu tạo doanh thu, dòng tiền phục vụ hoạt động kinh doanh. Đối với Nhà máy Luyện Phôi Thép (Pomina 3), Công ty đang triển khai các công việc chuẩn bị để đưa nhà máy trở lại hoạt động, dự kiến bắt đầu vận hành trở lại trong tháng 07 năm 2026.

Ngoài ra, Nhóm Công ty cũng đã chủ động làm việc với các tổ chức tín dụng và đã nhận được cam kết từ các tổ chức tín dụng về việc tiếp tục duy trì giới hạn tín dụng và xem xét cơ cấu các khoản vay, điều chỉnh thời gian cho vay phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh thực tế của Công ty. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc của Nhóm Công ty đánh giá Nhóm Công ty có thể hoàn trả các khoản nợ khi đến hạn và tiếp tục hoạt động trong năm tài chính tiếp theo. Dựa trên các cơ sở này, Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty có đủ cơ sở để tiếp tục hoạt động kinh doanh và việc lập báo cáo tài chính của Nhóm Công ty trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

Theo đó, báo cáo tài chính kèm theo chưa bao gồm các điều chỉnh có thể cần được thực hiện đối với tài sản và nợ phải trả của Nhóm Công ty trong trường hợp Nhóm Công ty không có khả năng tiếp tục hoạt động trong tương lai.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

### 9.5 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.



NGUYỄN THỊ PHƯƠNG MAI  
Người lập biểu



NGUYỄN NGỌC MỸ HẠNH  
Kế toán trưởng



ĐỖ TIẾN SĨ  
Tổng Giám đốc  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 05 năm 2026